

## NGHỊ QUYẾT

### Phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường Đại học Cần Thơ năm 2024

#### HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 129/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của kỳ họp thứ tám Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Xét Tờ trình số /TTr-ĐHCT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung và hoạt động năm 2023 và xin phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Trường ĐHCT.

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ năm 2024 như sau:**

##### 1. Công tác tổ chức, nhân sự

###### 1.1. Công tác tổ chức

- Tăng cường công tác rà soát, cập nhật, ban hành mới quy định nội bộ phù hợp quy định pháp luật và yêu cầu của Nhà trường; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động trong Trường.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá, xây dựng và trình phê duyệt Đề án tổ chức lại các đơn vị trong Trường; Rà soát điều chỉnh chức năng nhiệm vụ và quy trình công tác của các đơn vị.

- Tiếp tục hoàn thiện Đề án chuyển Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) thành Đại học Cần Thơ và các Đề án thành lập Phân hiệu của Trường tại tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang.

- Hoàn thành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Trường ĐHCT giai đoạn 2022 -2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Điều chỉnh, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động Trường ĐHCT; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng Trường ĐHCT.

- Xây dựng quy chế làm việc của các trường chuyên ngành và các quy chế quản lý khác; ban hành Quy định sử dụng và quản lý viên chức, người lao động (VC-NLĐ), Quy định nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với VC-NLĐ cho phù hợp với quy định hiện hành.

- Tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của viên chức quản lý và các viên chức khác theo từng vị trí công tác Định kỳ vào cuối năm học (tháng 7 hàng năm, công bố kết quả đánh giá và đề ra giải pháp sửa đổi, điều chỉnh để thực tốt hơn trong năm học tiếp theo).

- Tuân thủ và đảm bảo nguyên tắc, chế độ làm việc, quan hệ công tác trong và ngoài Trường. Chủ động tổ chức tự kiểm tra hoạt động của các đơn vị và cá nhân trong Trường để kịp thời phát hiện những sai phạm, thiếu sót nhằm xử lý và khắc phục kịp thời.

## 1.2. Công tác nhân sự

Trong năm 2024, công tác nhân sự cần thực hiện những nội dung chính sau đây:

- Thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch viên chức quản lý các cấp trong Trường nhiệm kỳ 2020 - 2025 và nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Tiếp tục kiện toàn và bổ nhiệm viên chức quản lý các cấp trong Trường.

- Triển khai xây dựng quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức danh GS, PGS (Theo QĐ số 37/2018/QĐ-TTg).

- Xây dựng quy chế xét khen thưởng theo thẩm quyền của Hiệu trưởng ở các mức độ khác nhau nhằm động viên kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc hoặc có thành tích đột xuất.

- Tiếp tục thực hiện và rà soát điều chỉnh Đề án Vị trí việc làm, Đề án Tinh giản biên chế. Rà soát hoàn thiện vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tại các đơn vị trong trường; xác định rõ cơ cấu viên chức theo từng hạng chức danh nghề nghiệp cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường.

- Tiếp tục thực hiện và quản lý tốt công tác phát triển đội ngũ, đặc biệt là tuyển dụng và đào tạo giảng viên ở các ngành, lĩnh vực mà nhà trường và xã hội nhu cầu cao. Xây dựng và ban hành quy định về sử dụng, quản lý viên chức và người lao động. Xây dựng phương án ký hợp đồng lao động để làm công việc hỗ trợ, phục vụ và làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở vị trí việc làm do viên chức đảm nhiệm; xác định hình thức và phương pháp trả lương theo vị trí việc làm.

**Bảng 1: Kế hoạch phát triển VC-NLĐ do Trường trả lương đến 31/12/2024**

TT	Nhóm vị trí việc làm	31/12/2023		31/12/2024		Ghi chú
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	
1	Giảng viên	1111	72.16	1227	72.2	+116
2	Trợ giảng*	20	0.92	46	2.7	+26

TT	Nhóm vị trí việc làm	31/12/2023		31/12/2024		Ghi chú
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	
3	Giáo viên trung học PT	13	0.98	17	1.0	+4
4	Chuyên viên, kế toán viên	198	13.2	215	12.6	+17
5	Nhân viên PTH/PTN	65	4.4	70	4.1	+5
6	Bảo vệ	42	2.82	42	2.5	0
7	Nhân viên thư viện	28	1.77	28	1.6	0
8	Nhân viên vệ sinh, tạp vụ	36	2.5	35	2.1	-1
9	Nhân viên lái xe	7	0.53	7	0.4	0
10	Các vị trí việc làm khác	12	0.72	13	0.8	+1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1532</b>	<b>100</b>	<b>1700</b>	<b>100</b>	<b>+168</b>

## 2. Hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

### 2.1. Công tác đào tạo

#### 2.1.1. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024 theo trình độ (đại học, thạc sĩ và tiến sĩ) và hình thức đào tạo (chính quy, vừa làm vừa học và đào tạo từ xa) được trình bày trong Bảng 2.

**Bảng 2.** Chỉ tiêu tuyển sinh các ngành đại học và sau đại học năm 2024

TRÌNH ĐỘ VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO		CHỈ TIÊU
Đại học	Hình thức chính quy	10.100
	Hình thức vừa làm vừa học	2.500
	Hình thức đào tạo từ xa	3.050
Thạc sĩ	Hình thức chính quy	2.260
Tiến sĩ	Hình thức chính quy	210

#### 2.1.2. Mở ngành/chuyên ngành đào tạo

Trong năm 2024, Trường sẽ mở các ngành/chuyên ngành đào tạo và chương trình đào tạo (CTĐT) chất lượng cao trình độ đại học như sau:

+ *Ngành đào tạo*: ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7140249), ngành Báo chí (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7320101), ngành Du lịch (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7810101), ngành Kỹ thuật ô tô (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7520130), ngành Kỹ thuật y sinh (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7520212).

+ *Chuyên ngành đào tạo*: chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn thuộc ngành Kỹ thuật máy tính (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7480106).

+ *Chương trình đào tạo chất lượng cao*: chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Hệ thống thông tin (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7480104).

Đối với đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ, Trường sẽ mở ngành/chuyên ngành:

+ *Tiếp tục hoàn thành hồ sơ mở 02 ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ*

đã được phê duyệt chủ trương năm 2023: ngành Hóa học (Mã ngành đào tạo cấp IV: 8440112); chuyên ngành Kỹ thuật Nông nghiệp thông minh thuộc ngành Khoa học cây trồng (Mã ngành đào tạo cấp IV: 8620110).

+ Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: ngành Ngôn ngữ Anh (Mã số ngành cấp IV: 8220201); ngành Triết học (Mã ngành đào tạo cấp IV: 8229001); ngành Luật (Mã ngành đào tạo cấp IV: 8380101); ngành Toán ứng dụng (Mã ngành đào tạo cấp IV: 8469112); ngành Kỹ thuật xây dựng (Mã ngành đào tạo cấp IV: 8520201).

+ Chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán thuộc ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Mã ngành đào tạo cấp IV: 9140111).

### **2.1.3. Chất lượng giáo dục và kiểm định**

#### *a) Về công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo*

Thực hiện rà soát, bổ sung và điều chỉnh kế hoạch kiểm định chất lượng (KĐCL) CTĐT giai đoạn 2021-2030. Tổ chức thực hiện đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. Tiến hành cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của các đoàn đánh giá ngoài và theo kết quả tự đánh giá. Định kỳ cuối năm tài chính báo cáo kết quả thực hiện và phân tích những tồn tại để đề ra giải pháp khắc phục. Cụ thể:

- Thực hiện KĐCL CTĐT theo tiêu chuẩn Bộ GD&ĐT và AUN-QA, trong đó thực hiện ĐGN 35 CTĐT theo các kế hoạch đã được triển khai, và KĐCL 17 CTĐT cho giai đoạn 2024-2025.

- Thực hiện công tác cải tiến chất lượng 46 CTĐT được công nhận đạt chất lượng, bao gồm 26 CTĐT được công nhận đạt chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và 20 CTĐT được công nhận đạt chất lượng theo tiêu chuẩn của AUN-QA.

Mở rộng việc áp dụng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của các tổ chức quốc tế được Bộ GD&ĐT công nhận vào công tác đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục và CTĐT theo các lĩnh vực ngành phù hợp.

#### *b) Về công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng Trường*

Công khai kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (CSGD) của Trường. Thực hiện công tác cải tiến chất lượng Trường trên cơ sở kế hoạch cải tiến được nêu trong Báo cáo TĐG Trường Chu kỳ 2 và khuyến nghị được nêu trong Báo cáo ĐGN Trường Chu kỳ 2.

#### *c) Về công tác khảo sát và lấy ý kiến góp ý các bên liên quan*

Thực hiện khảo sát và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan đáp ứng các yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục Trường và CTĐT theo các quy định và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục.

#### *d) Về công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong*

Tổ chức triển khai các quy định và hướng dẫn mới về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT và cơ sở giáo dục của Bộ GD&ĐT và AUN-QA. Soạn thảo và ban hành quy định rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT của Trường ĐHCT. Soạn thảo và ban hành Sổ tay chất lượng đáp ứng yêu cầu mới của các quy định, hướng dẫn và công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.

Kiện toàn Hội đồng ĐBCL Trường nhiệm kỳ 2020-2025. KIỆN TOÀN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG; BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG CHO CÁN BỘ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG; CỬ CÁN BỘ ĐI ĐÀO TẠO KIỂM ĐỊNH VIÊN.

Tin học hóa công tác bảo đảm chất lượng.

Đảm bảo các nguồn lực và thông tin khác để thiết lập, duy trì và cải tiến chất lượng đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn chất lượng.

e) *Về công tác đối sánh chất lượng và xếp hạng*

Thực hiện các hoạt động đối sánh chất lượng CSGD và CTĐT, tăng cường đối sánh quốc tế, đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục.

Tham gia xếp hạng CSGD và xếp hạng theo lĩnh vực của QS và cải thiện vị trí xếp hạng của Trường.

#### **2.1.4. Quản lý hoạt động đào tạo, thu hút người học và công tác có liên quan**

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định, quy chế, quy trình và văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác quản lý đào tạo phù hợp với pháp luật của Nhà nước và quy định hiện hành.

Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tuyển sinh; phân công giảng dạy các học phần; tổ chức giảng dạy và tổ chức thi học kỳ; tổ chức kiểm tra và thi học kỳ các lớp xét tuyển thẳng; công tác cố vấn học tập; công tác quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ... kịp thời phát hiện và khắc phục những công việc chưa được thực hiện tốt nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý.

Rà soát cải tiến các quy trình quản lý đào tạo hợp lý và thông thoáng là trọng tâm của đơn vị nhằm góp phần chủ yếu vào việc nâng cao chất lượng tổ chức và quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường. Phát huy ứng dụng của Công nghệ 4.0, thực hiện chuyển đổi số, Trường tiếp tục quan tâm cập nhật, cải tiến phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến, trang thông tin điện tử, ứng dụng MyCTU trên điện thoại di động... nhằm góp phần nâng cao khả năng phục vụ và hiệu quả quản lý đào tạo.

Triển khai và hoàn thành kế hoạch giảng dạy năm học 2023 - 2024 và học kỳ 1 của năm học 2024 - 2025 theo đúng kế hoạch.

Về phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học, căn cứ các văn bản quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Cần Thơ; khuyến nghị của các Đoàn Đánh giá ngoài và ý kiến của các bên liên quan; ... Trường ĐHCT thực hiện những công tác trọng tâm sau:

- Tổ chức đánh giá, điều chỉnh chương trình đào tạo đại học để áp dụng đối với các khóa tuyển sinh sau ngày 01 tháng 01 năm 2024 (từ Khóa 50) cho các hình thức đào tạo trình độ đại học của Trường, trong đó điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và học phần đáp ứng yêu cầu chuẩn chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (nếu có).

- Lựa chọn bổ sung để đạt ít nhất 20% số lượng học phần trong chương trình đào tạo của các ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học được chuyển sang giảng dạy theo hình thức trực tuyến và thi trắc nghiệm trên máy tính để áp dụng đối với các khóa tuyển sinh sau ngày 01 tháng 01 năm 2024 (từ Khóa 50) cho các hình thức đào tạo trình độ đại học của Trường nhưng phải bảo đảm không vượt quá 30% khối lượng của chương trình đào tạo.

- Cập nhật đề cương chi tiết học phần đối với các học phần được lựa chọn để giảng dạy trực tuyến; đồng thời rà soát, đánh giá, cập nhật Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học; đổi mới và áp dụng phương pháp dạy và học tiên tiến, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào việc tổ chức giảng dạy, xây dựng phương thức kiểm

tra đánh giá phù hợp, khuyến khích số hóa các nội dung thực tế, thực địa trong chương trình đào tạo.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo sau đại học đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Đẩy mạnh quảng bá về Trường thông qua nhiều hoạt động và hình thức. Đối với hoạt động tuyển sinh, Trường tiếp tục tổ chức quảng bá Nhà trường, hoạt động đào tạo, ngành nghề đào tạo, thông tin tuyển sinh - hướng nghiệp... với nhiều hình thức trực tiếp và trực tuyến. Đối với hình thức đào tạo VLVH và đào tạo từ xa: mở rộng ngành, lĩnh vực tuyển sinh nhằm thu hút thêm nhiều đối tượng người học. Phần đầu đạt chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy từ 90% trở lên và trình độ sau đại học từ 50% trở lên.

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn... về công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý đào tạo; xây dựng và cải tiến phát triển chương trình đào tạo. Tổ chức Hội nghị liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Cần Thơ và các Đơn vị liên kết năm 2023 để đánh giá hiệu quả công tác liên kết đào tạo với các Đơn vị liên kết.

Thực hiện các giải pháp nâng cao tỉ lệ sinh viên đại học hình thức chính quy tốt nghiệp độ đúng tiến độ năm 2024 của Trường đạt từ 80% trở lên.

Tiếp tục phát huy công tác giáo dục chính trị, đạo đức lối sống trong SV thông qua các hoạt động như: tuần lễ sinh hoạt công dân SV, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, giáo dục lý tưởng cách mạng; giáo dục truyền thống, lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc; giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa; giáo dục pháp luật; tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ, ngày truyền thống, các phong trào tình nguyện hướng đến lợi ích cộng đồng, ... Tổ chức Hội thi Olympic các môn Khoa học chính trị và Tư tưởng Hồ Chí Minh trong SV toàn Trường.

Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với SV (học bổng, trợ cấp khó khăn, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần SV...).

Đẩy mạnh hoạt động tư vấn - hỗ trợ SV, giảng dạy Kỹ năng mềm, Khởi nghiệp cho SV, quan hệ với cơ quan – doanh nghiệp đa dạng hóa các hoạt động hỗ trợ SV. Tăng cường công tác Cố vấn học tập. Đẩy mạnh công tác giao lưu quốc tế, cử đi (ít nhất 550SV đi học ngắn hạn ở nước ngoài), tiếp nhận SV, học viên đến ở Ký túc xá.

Duy trì tốt công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm SV, chủ động phòng chống dịch bệnh, kiểm tra ATVSTP.

Tiếp tục phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Trường xây dựng ký túc xá an toàn về ANTT. Tiếp tục cải tiến phương án quản lý KTX Khu A, Khu B, Khu C theo hướng phục vụ và nâng cao hiệu quả quản lý.

Tổ chức hoạt động xã hội vì cộng đồng như Chiến dịch thanh niên tình nguyện hè, Chương trình Tiếp sức mùa thi, Hiến máu tình nguyện.

## **2.2. Hoạt động khoa học và công nghệ**

### **2.2.1. Nhiệm vụ Khoa học và công nghệ các cấp**

Tiếp tục triển khai nhiệm vụ Khoa học và công nghệ (KH&CN) theo 7 lĩnh vực nghiên cứu khoa học (NCKH) ưu tiên. Phát triển các chương trình NCKH cấp cơ sở do

viên chức thực hiện và tăng cường tham gia tuyển chọn đề tài địa phương/doanh nghiệp; đề tài, dự án cấp nhà nước; và bộ ngành theo đặt hàng.

Triển khai thực hiện các đề tài NCKH trong năm học 2023-2024 được phê duyệt (dự kiến có 200 đề tài cấp cơ sở do VC thực hiện, 350 đề tài NCKH của sinh viên, 10 đề tài NAFOSTED, 22 đề tài cấp nhà nước, bộ ngành, 20 đề tài NCKH hợp tác với địa phương/doanh nghiệp, 20 đề tài, dự án, chương trình NCKH hợp tác quốc tế).

Thực hiện công tác sơ kết và tổng kết hợp tác với địa phương và với các viện trường đến thời hạn. Tăng cường mối quan hệ với các tỉnh thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tiến tới ký kết hợp tác toàn diện về đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ (CGCN) với các địa phương, chú trọng ký kết hợp tác toàn diện với Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Kiên Giang và tỉnh Trà Vinh.

Tiếp tục mở rộng hợp tác NCKH và CGCN với doanh nghiệp và các tỉnh thành thuộc miền Đông Nam Bộ, Tây nguyên và miền Trung (Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Đắk Nông, Kontum, Đồng Nai, Ninh Thuận, Bình Thuận).

Tổ chức Hội thảo cấp vùng và quốc gia và hội nghị sinh viên nghiên cứu Khoa học Trường; Tham dự các Hội nghị khoa học tổng kết hoạt động NCKH & CGCN của hiệp hội các viện trường và hội thảo CLB các trường đại học kỹ thuật

### **2.2.2. Công tác sở hữu trí tuệ, thông tin và sự kiện KH&CN**

Triển khai các nội dung mới và cập nhật của Quy chế Quản lý hoạt động KH&CN Trường Đại học Cần Thơ và các qui trình, hướng dẫn kèm theo.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác đăng ký xác lập quyền Sở hữu trí tuệ (SHTT) các công trình đặc thù và có tính thương mại hoá cao tại Việt Nam và tiếp cận đăng ký SHTT quốc tế.

Nâng cấp và sử dụng hệ thống thông tin tích hợp và các phần mềm liên quan của Trường để quản lý hiệu quả, cập nhật các thông tin nhanh chóng, tiện lợi.

Sắp xếp tổ chức bộ phận CGCN và đẩy mạnh hoạt động tư vấn kỹ thuật, thương mại hóa các tài sản trí tuệ của Trường ĐHTC phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội vùng ĐBSCL phù hợp với định hướng phát triển của Trường.

Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt vai trò sáng lập, chủ trì và điều phối Diễn đàn phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (SDMD 2045) nhằm quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của Trường trong khu vực và trên thế giới.

### **2.2.3. Công tác xuất bản**

Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 02-CT/ĐU của Đảng ủy về đẩy mạnh công tác công bố khoa học và xuất bản quốc tế, trong đó tập trung xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng Tạp chí Khoa học (tiếng Anh) của Trường đạt chuẩn quốc tế thuộc Scopus đến năm 2025. Tiếp tục triển khai hoàn thành dự án Nâng cao chất lượng Tạp chí khoa học Trường ĐHTC theo tiêu chuẩn ACI.

Khuyến khích VC-NLĐ của Trường tham gia hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu học tập; đăng bài trên các tạp chí khoa học, đặc biệt các tạp chí và nhà xuất bản quốc tế có uy tín trên thế giới thuộc danh mục ISI, Scopus và ACI.

### 2.3. Hợp tác trong nước, quốc tế

Tiếp tục phát huy vị thế Trường, tăng cường quảng bá thu hút sinh viên quốc tế đến học tập, giao lưu ngắn hạn và dài hạn tại Trường và thực hiện các thỏa ước đưa sinh viên đi giao lưu, học tập tại các Viện - Trường đối tác.

Tận dụng tính đặc thù và thế mạnh của Trường và vùng ĐBSCL để đẩy mạnh xúc tiến các dự án quốc tế, thu hút tài trợ, viện trợ nước ngoài, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ ... Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học trong những lĩnh vực ưu tiên của Trường.

Tiếp tục khai thác nguồn lực từ dự án Nâng cấp Trường ĐHCT để phát triển Trường ĐHCT đạt đẳng cấp quốc tế; Triển khai thực hiện có hiệu quả dự án Nâng cấp Trường ĐHCT sử dụng vốn dư của Dự án; Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án Hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn 2 và Dự án sử dụng nguồn vốn kết dư.

**2.4 Chuyển đổi số và truyền thông trên mạng** Tiếp tục triển khai Nghị quyết 51-NQ/ĐU ngày 29 tháng 04 năm 2021 và chương trình hành động giai đoạn 2021-2025 của nhà Trường về “Đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường ĐHCT theo hướng đại học thông minh”, trong đó tập trung các hoạt động để thúc đẩy thực hiện các mục tiêu và chỉ số liên quan đến hành chính điện tử và đào tạo trực tuyến.

Đảm bảo hệ thống Công nghệ Thông tin Trường hoạt động 24/7 an toàn, ổn định và chất lượng, đặc biệt quan tâm đến phòng chống tấn công mạng và sao lưu, bảo vệ dữ liệu của Trường.

Tiếp tục đa dạng hóa và nâng cao chất lượng, số lượng các tin bài trên hệ thống Website và mạng xã hội góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin, tuyên truyền và là kênh quảng bá hữu hiệu thương hiệu của Trường. Xây dựng và triển khai bộ nhận diện thương hiệu Trường ĐHCT.

## 3. Tài chính và tài sản

### 3.1. Tài chính

#### 3.1.1. Kế hoạch thực hiện nguồn thu

Tổng dự toán nguồn thu trong năm 2024 ước đạt 835,3 tỷ đồng, tăng 9,6% so với ước thực hiện năm 2023. Trong đó: nguồn NSNN cấp bù sự phạm, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và chi phí sinh hoạt của sinh viên theo Nghị định 116/NĐ-CP là 92,0 tỷ đồng, tăng 265,4% so với năm 2023, nguyên nhân NSNN chỉ cấp bù học phí sự phạm, kinh phí chi sinh hoạt phí còn thiếu ở năm 2022 là 6 tỷ đồng và cả năm 2023 chưa cấp. Nguồn thu sự nghiệp ước đạt 743,3 tỷ đồng, tăng 13,3% so với năm 2023. Trong đó, học phí chính quy ước đạt 610,0 tỷ đồng, tăng 78,0 tỷ đồng (tăng 14,7%, do tăng học phí ở học kỳ 1 năm học 2024-2025); học phí liên kết đào tạo ước đạt 55,0 tỷ đồng, học phí Trường THSP ước đạt 8,3 tỷ đồng tương đương mức thu năm 2023, các nguồn thu sự nghiệp khác ước đạt 70,0 tỷ đồng (tăng 15,7%).

#### 3.1.2. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chi

Tổng dự toán chi trong năm 2024 là 852,9 tỷ đồng bao gồm cả chi từ các nguồn quỹ, tăng 23,1% so với ước thực hiện năm 2023. Trong đó: chi trực tiếp từ nguồn thu có trong năm là 773,4 tỷ đồng (tăng 19,7% so với năm 2023), chi từ các nguồn quỹ là 79,6 tỷ đồng (tăng 69,8% so với ước năm 2023), tiếp tục đầu tư kinh phí cho việc sửa chữa và mua sắm bổ sung thiết bị cho các đơn vị có chương trình đào tạo kiểm định ngoài



trong năm 2024, dự kiến tiếp tục đối ứng cho phần kinh phí kết dư của dự án ODA năm 2024 là 20 tỷ đồng.

**Bảng 3: Dự toán nguồn thu - chi năm 2024**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Ước thực hiện 2023			Dự toán 2024			So sánh 2024/2023 (± %)
	Tổng	Ước TH	Nguồn quỹ	Tổng	Dự toán	Nguồn quỹ	
<b>TỔNG NGUỒN</b>	<b>1.132.137</b>	<b>721.496</b>	<b>410.641</b>	<b>1.240.547</b>	<b>876.787</b>	<b>363.760</b>	<b>9,6</b>
<i>1. Kỳ trước chuyển sang</i>	<i>451.160</i>	<i>40.519</i>	<i>410.641</i>	<i>405.247</i>	<i>41.487</i>	<i>363.760</i>	<i>-10,2</i>
<b>A. Thu trong kỳ</b>	<b>680.977</b>	<b>680.977</b>		<b>835.300</b>	<b>835.300</b>		<b>22,7</b>
a. NS cấp bù SP, miễn giảm HP	25.177	25.177		92.000	92.000		265,4
b. Nguồn sự nghiệp để lại	655.800	655.800		743.300	743.300		13,3
<b>B. Chi trong kỳ</b>	<b>692.890</b>	<b>646.009</b>	<b>46.881</b>	<b>852.934</b>	<b>773.344</b>	<b>79.590</b>	<b>23,1</b>
1.Nhóm chi cho cá nhân	318.268	318.268	0	375.391	375.391	0	17,9
2.Nhóm chi hàng hóa dịch vụ	292.232	287.732	4.500	308.675	293.675	15.000	5,6
3.Nhóm chi khác	52.032	38.482	13.550	103.952	93.710	10.242	99,8
4.Nhóm chi đầu tư	30.358	1.527	28.831	64.917	10.569	54.348	113,8
<b>C. Cân bằng thu chi (A-B)</b>	<b>-11.913</b>	<b>34.968</b>	<b>-46.881</b>	<b>-17.634</b>	<b>61.956</b>	<b>-79.590</b>	
Trích lập các quỹ		34.000			60.000		
<i>Chuyển sang kỳ sau</i>	<i>405.247</i>	<i>41.487</i>	<i>363.760</i>	<i>387.613</i>	<i>43.443</i>	<i>344.170</i>	<i>-4,4</i>

Cụ thể các nhóm chi (chi tiết ở phụ lục 1):

(i) *Nhóm chi thanh toán cho cá nhân*: 375,4 tỷ đồng (tăng 17,9% so với năm 2023), nguyên nhân chính là tiền lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng và khả năng điều chỉnh tăng lương vào tháng 7/2024, kéo theo tăng thu nhập tăng thêm và một số mục chi khác, khoản trích quỹ học bổng khuyến khích học tập cũng tăng do tăng mức học phí.

(ii) *Nhóm chi về hàng hóa và dịch vụ cho hoạt động chuyên môn*: 308,7 tỷ đồng (tăng 5,6% so với năm 2023), trong đó tiền giảng vượt giờ dự kiến 90 tỷ đồng, các khoản chi sửa chữa cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ chuyên môn được bố trí thường xuyên trong năm 34,9 tỷ đồng; dự chi kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định Trường là 15 tỷ đồng...

(iii) *Nhóm chi phí khác*: 104,0 tỷ đồng (tăng 99,8%), bao gồm: chi sinh hoạt phí sinh viên sư phạm theo Nghị định 116/NĐ-CP là 47,0 tỷ đồng (nếu NSNN có cấp kinh phí), thực hiện nộp thuế TNDN (2% học phí) năm 2024 ước 14 tỷ đồng, chi hoạt động phúc lợi, khen thưởng là 10,2 tỷ đồng.

(iv) *Nhóm chi đầu tư, mua sắm đào tạo,...*: 64,9 tỷ đồng (tăng 113,8%), trong đó chuẩn bị vốn đối ứng cho phần kết dư của dự án ODA là 20,0 tỷ đồng, mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn chuẩn bị kiểm định các chương trình đào tạo 25,6 tỷ đồng, chi phí đào tạo 5,0 tỷ đồng.

### 3.1.3. Kế hoạch kinh phí phân giao các đơn vị năm 2024

Tổng dự toán chi trong năm 2024 là 852,9 tỷ đồng, bao gồm cả chi từ các nguồn quỹ 79,6 tỷ đồng. Dự toán phân giao kinh phí tự chủ cho 42 đơn vị thuộc trường (19 đơn vị đào tạo và 23 đơn vị chức năng) là 55,5 tỷ đồng, kinh phí các đơn vị tham mưu theo chức năng là 458 tỷ đồng và Phòng Tài chính tham mưu trực tiếp chi 339,5 tỷ đồng bao gồm tiền lương và thu nhập tăng thêm ... Cụ thể dự toán phân giao như sau:

**Bảng 4: Dự toán phân giao kinh phí các đơn vị năm 2024**

ĐVT: Triệu đồng

Đơn vị	Đơn vị đề xuất		Phòng Tài chính đề xuất			TỔNG
	Tự chủ	Tham mưu	Tự chủ	Tham mưu	P.TC	
B.ODA	2.464,1	32.543,9	2.087,5	20.000,0	2.205,0	24.292,5
K.DB	406,3	0,0	359,6	0,0	1.630,0	1.989,6
K.GDTC	503,7	374,1	497,6	374,1	4.730,0	5.601,7
K.KHCT	826,1	275,0	692,6	250,0	7.900,0	8.842,6
K.KHTN	3.438,4	2.760,3	3.159,0	0,0	19.380,0	22.539,0
K.L	1.003,6	0,0	771,6	0,0	12.400,0	13.171,6
K.MT	1.494,7	347,6	1.329,0	0,0	12.637,6	13.966,6
K.NNg	1.892,3	897,2	1.214,8	1.150,0	19.110,0	21.474,8
K.PTNT	1.780,3	524,6	1.207,3	524,6	8.850,0	10.581,9
K.SDH	299,3	2.307,5	175,1	2.057,5	1.550,0	3.782,6
K.SP	3.099,6	653,0	2.005,1	150,0	26.253,0	28.408,1
K.XHNV	2.072,2	0,0	907,7	0,0	8.600,0	9.507,7
P.CTCT	215,0	1.324,0	180,0	1.084,0	3.970,0	5.234,0
P.CTSV	218,0	0,0	218,0	0,0	2.840,0	3.058,0
P.CTSV-KTX	0,0	3.927,9	0,0	3.827,9	0,0	3.827,9
P.ĐT	151,0	3.320,7	151,0	3.320,7	1.960,0	5.431,7
P.HTQT	87,0	3.111,5	87,0	2.570,5	1.530,0	4.187,5
P.QLKH	100,0	14.000,0	100,0	14.000,0	2.020,0	16.120,0
P.QTTB	202,0	28.095,0	202,0	77.060,0	3.820,0	81.082,0
P.TC	152,0	281.525,3	152,0	281.625,3	27.000,0	308.777,3
P.TCCB	582,0	6.991,8	582,0	6.991,8	1.800,0	9.373,8
P.TTPC	82,0	510,0	82,0	510,0	0,0	592,0
To.TCKH	92,5	1.101,5	72,5	1.121,5	720,0	1.914,0
TT.GDQP	2.146,9	5.270,0	763,4	458,0	2.930,0	4.151,4
TT.HL	1.274,4	2.928,5	393,3	2.400,5	6.290,0	9.083,8
TT.LKĐT	12.000,0	0,0	12.000,0	0,0	1.560,0	13.560,0
TT.QLCL	161,9	20.700,3	161,9	15.000,0	1.690,0	16.851,9
TT.QTM	177,6	7.110,2	147,0	6.433,5	1.730,0	8.310,5
TT.TV-KN	91,7	444,8	91,7	444,8	680,0	1.216,5
Tr.BK	6.623,4	66,2	4.945,9	1.466,2	37.780,0	44.192,1

Đơn vị	Đơn vị đề xuất		Phòng Tài chính đề xuất			TỔNG
	Tự chủ	Tham mưu	Tự chủ	Tham mưu	P.TC	
Tr.CNTT	5.019,5	313,6	2.655,5	1.419,6	19.160,0	23.235,1
Tr.KT	4.408,7	3.030,0	2.439,4	2.750,0	27.855,0	33.044,4
Tr.No	4.177,6	0,0	3.612,1	0,0	27.010,0	30.622,1
Tr.TS	3.022,2	1.437,0	2.020,1	430,0	20.160,0	22.610,1
Tr.THSP	6.192,2	600,0	6.012,2	2.040,0	0,0	8.052,2
V.BDKH	141,0	0,0	41,6	0,0	940,0	981,6
V.CNSH	3.295,9	2.394,3	2.059,0	870,0	12.650,0	15.579,0
V.ĐBSCL	180,0	60,0	180,0	60,0	4.160,0	4.400,0
VP.CĐ	57,0	2.372,0	77,0	2.452,0	0,0	2.529,0
VP.Đảng	135,1	1.376,3	85,1	1.426,3	0,0	1.511,4
VP.ĐTN	92,4	640,0	92,4	640,0	0,0	732,4
VP.HĐT	1.048,4	0,0	1.048,4	0,0	0,0	1.048,4
VP.Trường	490,0	4.107,0	390,0	3.095,0	3.980,0	7.465,0
<b>Tổng cộng</b>	<b>71.898,0</b>	<b>437.441,0</b>	<b>55.549,3</b>	<b>458.003,8</b>	<b>339.480,6</b>	<b>852.933,6</b>

### 3.1.4. Kế hoạch giải ngân dự án ODA

Kỳ vọng hồ sơ sử dụng vốn kết dư của Dự án Nâng cấp Trường ĐHCĐ trong năm 2023 được Chính phủ phê duyệt. Dự án xây dựng tòa nhà “Trung tâm đào tạo quốc tế” khởi động đầu năm 2024. Dự toán kinh phí trong năm 2024 là 217,8 tỷ đồng, trong đó NSNN cấp 197,8 tỷ đồng, vốn đối ứng dự kiến bổ sung 20,0 tỷ đồng. Dự kiến sẽ giải ngân hết các nguồn kinh phí trong năm 2024, riêng vốn đối ứng còn dư sẽ nối tiếp thực hiện phần vốn kết dư ở năm tiếp theo.

*Bảng 5: Dự toán kinh phí của Dự án Nâng cấp Trường ĐHCĐ năm 2024*

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Ước TH 2023	Dự toán 2024
<b>1.Nguồn vốn</b>	<b>25.890</b>	<b>217.823</b>
-Ngân sách cấp	25.890	197.823
-Vốn đối ứng		20.000
<b>2.Sử dụng vốn</b>	<b>28.690</b>	<b>230.368</b>
-Ngân sách cấp	25.890	197.823
-Vốn đối ứng	2.800	32.545
<b>3.Chênh lệch vốn đối ứng</b>	<b>-2.800</b>	<b>-12.545</b>
Số dư vốn đối ứng	<b>61.161</b>	<b>48.616</b>

### 3.1.5. Kế hoạch thực hiện các Quy chế nội bộ trong năm 2024

Tổ chức thực hiện việc chi tiêu, sử dụng kinh phí của Trường theo đúng các quy định, chế độ tiêu chuẩn và định mức trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Kiểm soát và quản lý chặt chẽ công nợ, không để nợ tạm ứng kéo dài chậm thanh toán.

Triển khai thực hiện kiểm toán nội bộ theo kế hoạch số 4331/KH-ĐHCĐ ngày 21/11/2023 và Quyết định 1447/QĐ-ĐHCĐ ngày 11/5/2022, về kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện công tác kế toán tài chính Trường ĐHCĐ niên độ năm 2023.

Xây dựng kế hoạch bổ sung điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ để phù hợp với chế độ tiền lương mới thay đổi.

### 3.2. Xây dựng cơ bản, cơ sở vật chất trang thiết bị

- Trong năm 2024, công tác xây dựng cơ bản, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường sẽ tập trung vào các hoạt động chính sau:

- Tiếp tục thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo và xin ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo để có thể triển khai các công trình thuộc kế hoạch trung hạn của Trường triển khai trong năm 2024 và 2025 như: Cải tạo Nhà 4T2 thành nhà học tập trung, Bảo trì và cải tạo mặt ngoài Nhà điều hành, Xây dựng đơn nguyên cho Trường THPT THSP, Xây dựng đường nội bộ từ ngã 3 Khoa Giáo dục thể chất đến cổng hàng rào hồ Búng Xáng, Xây dựng Khối nhà học và thí nghiệm Trường Bách khoa, Xây dựng công trình Khu liên hợp thể dục thể thao - Văn phòng Đoàn Thanh niên - Khu dịch vụ, Xây dựng nhà học Trường kinh tế.

- Thực hiện các thủ tục để tiếp nhận cơ sở vật chất tại tỉnh Sóc Trăng và xây dựng thành Phân hiệu Trường Đại học Cần Thơ tại tỉnh Sóc Trăng.

- Duy trì CSVC hiện có tại Khu Măng Đen phục vụ cho việc triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng kế hoạch quản lý và khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất và các trang thiết bị được đầu tư từ dự án Nâng cấp Trường ĐHCT và các trang thiết bị hiện có của Nhà trường.

- Tiếp tục thực hiện các thủ tục để triển khai công trình Trung tâm đào tạo Quốc tế (IETC) từ nguồn vốn kết dư của Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT (Dự án ODA).

- Triển khai các chương trình, dự án do Bộ GD&ĐT phân bổ và phê duyệt.

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động thường xuyên về xây dựng, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm, sửa chữa trong thiết bị; duy tu bảo dưỡng hệ thống điện, nước; chăm sóc, cải tạo cảnh quang, môi trường... theo kế hoạch nhằm phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ công đồng của Nhà trường.

Kinh phí dự toán cho hoạt động xây dựng, cải tạo, sửa chữa, mua sắm trong năm 2024 được trình bày chi tiết trong Phụ lục 2 và Phụ lục 3.

#### Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng trường, các Ban của Hội đồng trường và thành viên Hội đồng trường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

#### Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để thực hiện);
- Thành viên Hội đồng Trường (để giám sát);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Công thông tin điện tử (để đăng tin);
- Lưu: VT, VPHĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Phương**

## Phụ lục 1

## DỰ TOÁN NGUỒN THU - CHI NĂM 2024

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Ước thực hiện 2023			Dự toán 2024			So sánh 2024/ 2023 (±)
	Tổng	Ước TH	Nguồn quỹ	Tổng	Dự toán	Nguồn quỹ	
<b>TỔNG NGUỒN</b>	<b>1.132.137</b>	<b>721.496</b>	<b>410.641</b>	<b>1.240.547</b>	<b>876.787</b>	<b>363.760</b>	<b>9,6</b>
<i>Kỳ trước chuyển sang</i>	<i>451.160</i>	<i>40.519</i>	<i>410.641</i>	<i>405.247</i>	<i>41.487</i>	<i>363.760</i>	<i>-10,2</i>
<b>A. Thu trong kỳ</b>	<b>680.977</b>	<b>680.977</b>		<b>835.300</b>	<b>835.300</b>		<b>22,7</b>
a. NSNN cấp bù SP, miễn giảm HP	25.177	25.177		92.000	92.000		265,4
b. Nguồn sự nghiệp để lại	655.800	655.800		743.300	743.300		13,3
Trong đó: - Học phí CQ	532.000	532.000		610.000	610.000		14,7
- Liên kết đào tạo	55.000	55.000		55.000	55.000		0,0
- Trường THSP	8.300	8.300		8.300	8.300		0,0
- Sự nghiệp khác	60.500	60.500		70.000	70.000		15,7
<b>B. Chi trong kỳ</b>	<b>692.890</b>	<b>646.009</b>	<b>46.881</b>	<b>852.934</b>	<b>773.344</b>	<b>79.590</b>	<b>23,1</b>
<b>1. Nhóm chi thanh toán cho cá nhân</b>	<b>318.268</b>	<b>318.268</b>		<b>375.391</b>	<b>375.391</b>		<b>17,9</b>
- Tiền lương, các khoản theo lương	198.919	198.919		234.137	234.137		17,7
- Tiền công LĐ thường xuyên	1.100	1.100		1.820	1.820		65,5
- Học bổng sinh viên	37.646	37.646		40.000	40.000		6,3
- Các khoản thanh toán cho cá nhân	80.603	80.603		99.433	99.433		23,4
<b>2. Nhóm chi về hàng hóa dịch vụ</b>	<b>292.232</b>	<b>287.732</b>	<b>4.500</b>	<b>308.675</b>	<b>293.675</b>	<b>15.000</b>	<b>5,6</b>
- Thanh toán dịch vụ công cộng	30.623	30.623		33.881	33.881		10,6
- Vật tư văn phòng	4.374	4.374		4.170	4.170		-4,7
- Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6.051	6.051		6.063	6.063		0,2
- Hội nghị	2.025	2.025		3.890	3.890		92,1
- Công tác phí	3.185	3.185		2.848	2.848		-10,6
- Chi phí thuê mướn	14.262	14.262		17.681	17.681		24,0
- Chi đoàn ra, đoàn vào	2.160	2.160		2.780	2.780		28,7
- Sửa chữa TS, công tác CM	39.327	34.827	4.500	34.919	19.919	15.000	-11,2
- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	190.224	190.224		202.443	202.443		6,4
<b>3. Nhóm chi khác</b>	<b>52.032</b>	<b>38.482</b>	<b>13.550</b>	<b>103.952</b>	<b>93.710</b>	<b>10.242</b>	<b>99,8</b>
- Chi khác (miễn giảm học phí)	25.200	25.200	0	58.429	58.429		131,9
- Chi nộp thuế TNDN (2% học phí)	13.000	13.000		14.000	14.000		7,7
- Chi cho công tác Đảng	282	282		1.281	1.281		353,6
- Hoạt động phúc lợi, khen thưởng	13.550		13.550	10.242		10.242	-24,4
- Dự phòng	0			20.000	20.000		
<b>4. Nhóm chi đầu tư</b>	<b>30.358</b>	<b>1.527</b>	<b>28.831</b>	<b>64.917</b>	<b>10.569</b>	<b>54.348</b>	<b>113,8</b>
- Chuẩn bị đầu tư	6.977		6.977	10.000		10.000	43,3
- Vốn đối ứng dự án ODA				20.000		20.000	
- Trả lãi nợ vay ODA	487		487	750		750	54,0

Chỉ tiêu	Ước thực hiện 2023			Dự toán 2024			So sánh 2024/ 2023 (±)
	Tổng	Ước TH	Nguồn quỹ	Tổng	Dự toán	Nguồn quỹ	
- Chi đào tạo VCNLĐ	3.583		3.583	4.982		4.982	39,0
- Mua sắm TS phục vụ CM	17.237	1.527	15.710	25.569	10.569	15.000	48,3
- Mua sắm tài sản vô hình	2.074		2.074	3.616		3.616	74,4
<b>C. Cân bằng thu chi (A-B)</b>	<b>-11.913</b>	<b>34.968</b>	<b>-46.881</b>	<b>-17.634</b>	<b>61.956</b>	<b>-79.590</b>	
<i>Chi lập các quỹ</i>	<i>34.000</i>	<i>34.000</i>		<i>60.000</i>	<i>60.000</i>		<i>76,5</i>
<i>Chuyển sang kỳ sau</i>	<i>405.247</i>	<i>41.487</i>	<i>363.760</i>	<i>387.613</i>	<i>43.443</i>	<i>344.170</i>	<i>-4,4</i>

**Phụ lục 2**  
**KẾ HOẠCH XÂY DỰNG, CẢI TẠO, SỬA CHỮA VÀ MUA SẮM NĂM 2024**  
*(Kinh phí giao Phòng Quản trị - Thiết bị tham mưu)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	KP Cải tạo, sửa chữa CSVC	KP Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tổng dự toán kinh phí	Ghi chú
<b>I</b>	<b>KHU I</b>	<b>1.000,00</b>	<b>300,00</b>	<b>1.300,00</b>	
<b>1</b>	<b>Khoa Ngoại ngữ</b>	<b>200,00</b>	<b>300,00</b>	<b>500,00</b>	
1.1	Thay tole mới, mở rộng thêm diện tích sử dụng cho nhà xe Khoa	200,00			
1.2	Dụng cụ nội thất cho các phòng học		300,00		
<b>2</b>	<b>Các khu vực công cộng - P.QTTB</b>	<b>800,00</b>	<b>0,00</b>	<b>800,00</b>	
2.1	Cải tạo cảnh quan, hệ thống thoát nước Khu I	300,00			
2.2	Đường bê tông và làm hàng rào tiếp giáp các hộ dân phía sau Khu I	500,00			KH 2023
<b>II</b>	<b>KHU II</b>	<b>14.390,00</b>	<b>20.535,00</b>	<b>34.925,00</b>	
<b>1</b>	<b>Trường Bách khoa</b>	<b>480,00</b>	<b>2.500,00</b>	<b>2.980,00</b>	
1.1	Cải tạo tầng một tòa nhà kết cấu công trình	180,00			
1.2	Mở rộng Phòng thực tập Vật liệu xây dựng - Công trình giao thông	300,00			
1.3	Thiết bị tin học phục vụ giảng dạy, thực hành thực tập		640,00		
1.4	Thiết bị nâng cao năng lực đào tạo về kỹ thuật đo lường cơ khí, Khoa Kỹ Thuật Cơ Khí		400,00		
1.5	Thiết bị thực hành Mỹ thuật Khoa Kỹ Thuật Xây dựng		300,00		
1.6	Thiết bị phục vụ đào tạo, kiểm định AUN-QA ngành kỹ thuật máy tính năm 2024, Khoa Điện Tử-Viễn Thông		300,00		
1.7	Đối ứng dự án Trung tâm Đào tạo xuất sắc cho Trường ĐHCCT, Khoa Kỹ thuật điện		534,00		
1.8	Đầu tư thiết bị đào tạo vật liệu đường ô tô- Ngành Kỹ thuật công trình giao thông, Khoa Kỹ Thuật Công Trình giao Thông		326,00		
<b>2</b>	<b>Trường Công nghệ thông tin và TT</b>	<b>800,00</b>	<b>1.400,00</b>	<b>2.200,00</b>	
2.1	Cải tạo nâng cấp 4 phòng nhà vệ sinh tầng trệt	200,00			
2.2	Cải tạo máy vòm sân cỏ nhân tạo	100,00			
2.3	Mở bổ sung cửa thoát hiểm hành lang sau dãy PTH tầng trệt	20,00			
2.4	Chống thấm, dột mái cho tất cả các Block của tòa nhà	480,00			
2.5	Thiết bị tin học và ngoại vi (Máy tính thay thế cho PTH, thiết bị PTN TGMT&XLA và ngành truyền		1.200,00		

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	KP Cải tạo, sửa chữa CSVC	KP Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tổng dự toán kinh phí	Ghi chú
	thông đa phương tiện)				
2.6	Thiết bị cho PTH chất lượng cao		200,00		
<b>3</b>	<b>Trường Kinh tế</b>	<b>250,00</b>	<b>200,00</b>	<b>450,00</b>	
3.1	Sơn tường và lát nền Khoa Quản trị du lịch dịch vụ và lễ hành, Khoa kế toán kiểm toán, Khoa Quản trị kinh doanh	250,00			
3.2	Lắp đặt màn hình Led cho Hội trường 101/KT		200,00		
<b>4</b>	<b>Trường Nông nghiệp</b>	<b>650,00</b>	<b>130,00</b>	<b>780,00</b>	
4.1	Tháo dỡ hàng rào cũ giữa Trường Nông nghiệp và Nhà lưới ODA, lắp đặt lại hàng rào cũ cho trại thực nghiệm nông nghiệp	100,00			
4.2	Cải tạo trại Thực nghiệm Nông nghiệp	550,00			
4.3	Bổ sung thiết bị thí nghiệm cho Khoa Di truyền chọn giống		130,00		
<b>5</b>	<b>Trường Thủy sản</b>	<b>900,00</b>	<b>250,00</b>	<b>1.150,00</b>	
5.1	Sửa chữa Nhà thí nghiệm 2 tầng	300,00			
5.2	Tháp nước trại Giống thủy sản 1&2	200,00			
5.3	Thi công đường đi từ cổng phụ vào Khu vực trạm trại	280,00			
5.4	Cải tạo nhà chứa máy bơm và máy phát điện	40,00			
5.5	Đường đi nội bộ từ nhà học đến nhà 2 tầng	80,00			
5.6	Bổ sung dụng cụ thí nghiệm các Khoa		150,00		
5.7	Thiết bị tin học và ngoại vi		100,00		
<b>6</b>	<b>Khoa Khoa học Chính trị</b>	<b>100,00</b>	<b>235,00</b>	<b>335,00</b>	
6.1	Cải tạo cảnh quan, tạo các tiểu cảnh, lối đi	100,00			
6.2	Thiết bị tin học và ngoại vi		60,00		
6.3	Sơn, thay mặt bàn, ghế sinh viên cho các phòng học		175,00		
<b>7</b>	<b>Khoa Khoa học Tự nhiên</b>	<b>600,00</b>	<b>1.500,00</b>	<b>2.100,00</b>	
7.1	Chống thấm nhà vệ sinh tầng 3	150,00			
7.2	Xử lý chống thấm và sơn các Phòng thí nghiệm Bộ môn Vật lý	100,00			
7.3	Cải tạo cụm phòng thí nghiệm Động thực vật và cụm phòng thực hành Sinh học đại cương	220,00			
7.4	Chống thấm phòng hội trường	100,00			
7.5	Thay cửa các nhà vệ sinh bị hư hỏng nặng Tòa nhà thí nghiệm Block D	30,00			
7.6	Đầu tư thiết bị giảng dạy thực hành các môn học thuộc chương trình tiên tiến và CLC cho phòng		500,00		



STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	KP Cải tạo, sửa chữa CSVCSVC	KP Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tổng dự toán kinh phí	Ghi chú
	thực tập Hóa học				
7.7	Thiết bị thí nghiệm cho các Bộ môn		1.000,00		
<b>8</b>	<b>Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn</b>	<b>500,00</b>	<b>200,00</b>	<b>700,00</b>	
8.1	Sửa chữa tòa nhà khoa	500,00			
8.2	Thiết bị tin học và ngoại vi		60,00		
8.3	Máy lạnh cho Hội trường và lãnh đạo Khoa		140,00		
<b>9</b>	<b>Khoa Luật</b>	<b>500,00</b>	<b>200,00</b>	<b>700,00</b>	
9.1	Chống thấm tòa nhà khu vực văn phòng làm việc	500,00			
9.2	Thiết bị tin học và ngoại vi		100,00		
9.3	Dụng cụ nội thất văn phòng		100,00		
<b>10</b>	<b>Khoa Môi trường &amp; TNTN</b>	<b>200,00</b>	<b>1.000,00</b>	<b>1.200,00</b>	
10.1	Cải tạo các hạng mục công trình tòa nhà Khoa	200,00			
10.2	Thiết bị cho các phòng thí nghiệm		1.000,00		
<b>11</b>	<b>Khoa Sư phạm</b>	<b>710,00</b>	<b>995,00</b>	<b>1.705,00</b>	
11.1	Cải tạo, sửa chữa Phòng chuyên đề Bộ môn Sư phạm Hóa học, Phòng họp Khoa	35,00			
11.2	Kiểm tra chống dột mái tôn, sơn tay vịn, cầu thang, cửa Nhà thực hành Lý-Hóa-Sinh	50,00			
11.3	Bảo trì, chống dột Nhà học C2	100,00			
11.4	Chống thấm, cải tạo Hội trường và Tòa nhà Khoa	215,00			
11.5	Chống thấm khối văn phòng và sảnh Nhà thực hành Lý - Hóa - Sinh	310,00			
11.6	Thiết bị tin học cho PTH tin học ứng dụng		720,00		
11.7	Bổ sung dụng cụ phòng thí nghiệm		50,00		
11.8	Thiết bị tin học và ngoại vi		75,00		
11.9	Thiết bị điện-điện tử		150,00		
<b>12</b>	<b>Khoa Giáo dục thể chất</b>	<b>550,00</b>	<b>50,00</b>	<b>600,00</b>	
12.1	Cải tạo, sửa chữa nhà tập luyện TDTT cũ	550,00			
12.2	Thiết bị tin học và ngoại vi		50,00		
<b>14</b>	<b>Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu</b>	<b>50,00</b>	<b>0,00</b>	<b>50,00</b>	
14.1	Lót gạch, lắp cửa và mái che, cải tạo thành chỗ để xe cho cán bộ Viện	50,00			
<b>14</b>	<b>Viện CNSH và Thực phẩm</b>	<b>0,00</b>	<b>600,00</b>	<b>600,00</b>	
14.1	Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm		530,00		
14.2	Thiết bị tin học và ngoại vi		70,00		
<b>15</b>	<b>Trung tâm Học liệu</b>	<b>400,00</b>	<b>480,00</b>	<b>880,00</b>	

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	KP Cải tạo, sửa chữa CSVC	KP Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tổng dự toán kinh phí	Ghi chú
15.1	Sơn chống thấm các vách tường xung quanh bên ngoài tòa nhà	400,00			
15.2	Sửa chữa máy móc thiết bị		300,00		
15.3	Thiết bị tin học và ngoại vi		180,00		
<b>16</b>	<b>Trung tâm Thông tin và QTM</b>	<b>0,00</b>	<b>3.470,00</b>	<b>3.470,00</b>	
16.1	Gia hạn bản quyền tường lửa Internet 01 năm		570,00		
16.2	Gia hạn bản quyền tường lửa ứng dụng 01 năm		750,00		
16.3	Gia hạn bản quyền tường lửa NN2020 02 năm		700,00		
16.4	Bổ sung các điểm truy cập wifi, nâng cấp hệ thống mạng các đơn vị		500,00		
16.5	Hệ thống các thiết bị lưu trữ dự phòng dữ liệu		950,00		
<b>17</b>	<b>Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ</b>	<b>0,00</b>	<b>500,00</b>	<b>500,00</b>	
17.1	Thiết bị tin học và ngoại vi cho các phòng thi ĐGNLNN		500,00		
<b>18</b>	<b>Ký túc xá - TT.PSVV (P.CTSV)</b>	<b>2.500,00</b>	<b>1.050,00</b>	<b>3.550,00</b>	
18.1	Sửa chữa, nâng cấp lớn các dãy B15A, B15B, B22, B14, B19, B22 Ký túc xá Khu A	1.500,00			
18.2	Bảo trì, xử lý chống thấm một số khu vệ sinh của các dãy nhà KTX B	500,00			
18.3	Cải tạo, nạo vét hệ thống thoát nước các dãy nhà Ký túc xá Khu A	500,00			
18.4	Lắp đặt bổ sung camera giám sát an ninh		200,00		
18.5	Trang bị thiết bị cho 02 phòng sinh viên quốc tế		100,00		
18.6	Gia công giường sắt Ký túc xá		750,00		
<b>19</b>	<b>Văn phòng trường</b>	<b>300,00</b>	<b>1.100,00</b>	<b>1.400,00</b>	
19.1	Bảo trì, chống thấm cục bộ Nhà Điều hành	300,00			
19.2	Lắp đặt máy lạnh cho Hội trường 3 Nhà Điều hành		400,00		KH 2023
19.3	Dụng cụ nội thất cho Hội trường 3 Nhà Điều hành		300,00		KH 2023
19.4	Lắp đặt màn hình Led cho Hội trường 4 Nhà Điều hành		400,00		
<b>20</b>	<b>Văn phòng Đảng ủy</b>	<b>0,00</b>	<b>75,00</b>	<b>75,00</b>	
20.1	Mua sắm thiết bị văn phòng		75,00		
<b>21</b>	<b>Phòng Tổ chức-Cán bộ</b>	<b>0,00</b>	<b>50,00</b>	<b>50,00</b>	
21.1	Thiết bị tin học và ngoại vi		35,00		
21.2	Dụng cụ nội thất văn phòng		15,00		
<b>22</b>	<b>Phòng Công tác chính trị</b>	<b>300,00</b>	<b>750,00</b>	<b>1.050,00</b>	

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	KP Cải tạo, sửa chữa CSVC	KP Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tổng dự toán kinh phí	Ghi chú
22.1	Chống thấm mái, sơn sãnh, sê nô, cải tạo 02 khu nhà vệ sinh	300,00			
22.2	Thiết bị tin học và ngoại vi		20,00		
22.3	Lắp camera quan sát cho Hội trường Rùa		90,00		
22.4	Bổ sung thay thế thiết bị âm thanh, ánh sáng cho Hội trường Rùa		140,00		
22.5	Bảo trì các hệ thống báo cháy, thiết bị PCCC các đơn vị		500,00		
<b>23</b>	<b>Khu vực công cộng - P.QTTB</b>	<b>4.600,00</b>	<b>3.800,00</b>	<b>8.400,00</b>	
23.1	Cải tạo hệ thống thoát nước, hạ tầng kỹ thuật Khu II - ĐHCT	1.000,00			
23.2	Cải tạo cảnh quan khu vực công cộng, sân chơi, công viên, hệ thống giao thông nội bộ ĐHCT	1.000,00			
23.3	Vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh, trồng cây xanh ngày môi trường thế giới	800,00			
23.4	Bảo trì, sửa chữa, thay thế, lắp đặt bổ sung camera giám sát an ninh các Khu của Trường	800,00			
23.5	Điều chỉnh quy hoạch khu II	1.000,00			
23.6	Thiết bị âm thanh thay thế cho các Nhà học		200,00		
23.7	Máy chiếu bổ sung, thay thế cho các Nhà học		400,00		
23.8	Tivi bổ sung, thay thế các Nhà học		150,00		
23.9	Mua sắm, sửa chữa bàn, ghế sinh viên cho các nhà học		200,00		
23.10	Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (Bao gồm các công trình thuộc Dự án ODA)		850,00		
23.11	Dự phòng sửa chữa các công trình vật kiến trúc, điện, nước khu vực công cộng, các nhà học dùng chung; Mua sắm, sửa chữa thiết bị, ....		2.000,00		
<b>III</b>	<b>KHU HÒA AN</b>	<b>1.750,00</b>	<b>485,00</b>	<b>2.235,00</b>	
<b>1</b>	<b>Khoa Phát triển nông thôn</b>	<b>750,00</b>	<b>200,00</b>	<b>950,00</b>	
1.1	Cải tạo đường chính, cống thoát nước và đường phía sau, Cải tạo khuôn viên nhà học HA5, HA6 ,nhà nghỉ giảng viên, thư viện, Cải tạo lại Nhà ký túc xá Hậu Giang	250,00			
1.2	Hệ thống cống, trạm bơm phục vụ PCCC rừng Khu Hòa An	100,00			
1.3	Hệ thống chiếu sáng công cộng, đường vào KTX, TTGDQP-AN	100,00			
1.4	Cải tạo nhà sinh hoạt cộng đồng, căn tin	300,00			
1.5	Thiết bị nghe nhìn		100,00		

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	KP Cải tạo, sửa chữa CSVC	KP Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tổng dự toán kinh phí	Ghi chú
1.6	Bổ sung dụng cụ nội thất văn phòng		100,00		
<b>2</b>	<b>Trung tâm Giáo dục Quốc phòng &amp; AN</b>	<b>1.000,00</b>	<b>285,00</b>	<b>1.285,00</b>	
2.1	Chống thấm, sơn tường ngoài Hội trường đa năng	400,00			
2.2	Chống thấm, sơn tường dãy nhà ở cán bộ	150,00			
2.3	Chống thấm khu vệ sinh các KTX A, B, D	250,00			
2.4	Nạo vét cống, hố ga	100,00			
2.5	Sửa chữa nền gạch bong rộp nhà ăn, bảo trì thang máy	100,00			
2.6	Thiết bị tin học và ngoại vi		85,00		
2.7	Thiết bị điện-điện tử		200,00		
<b>IV</b>	<b>KHU LÒ GẠCH BÙNG BÌNH</b>	<b>177,00</b>	<b>0,00</b>	<b>177,00</b>	
1	Cải tạo 02 trại nuôi cá (Nâng cấp lại nền trại, xây tường, cải tạo lại hệ thống thoát nước)	177,00			
<b>V</b>	<b>TRẠI THỰC NGHIỆM THỦY SẢN VĨNH CHÂU</b>	<b>1.000,00</b>	<b>0,00</b>	<b>1.000,00</b>	
1	Xây tường rào phía trước và phần còn lại khu đất Vĩnh Châu - Đại học Cần Thơ	1.000,00			
<b>VI</b>	<b>KHU MĂNG ĐEN - KON TUM</b>	<b>300,00</b>	<b>0,00</b>	<b>300,00</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa nhỏ, cảnh quan, môi trường, hệ thống cấp nước	300,00			
<b>VII</b>	<b>XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>	<b>28.500,00</b>	<b>0,00</b>	<b>28.500,00</b>	
1	Cải tạo Nhà 4T2 Khu I	8.500,00			TT xin NQ riêng
2	Xây dựng công trình Nhà học THPT Trường Thực hành sư phạm	8.000,00			TT xin NQ riêng <sup>1</sup>
3	Bảo trì và cải tạo mặt ngoài Nhà Điều hành	7.000,00			TT xin NQ riêng
4	Xây dựng công trình Khu liên hợp thể dục thể thao - Văn phòng Đoàn Thanh niên - Khu dịch vụ	5.000,00			TT xin NQ riêng <sup>2</sup>
<b>VIII</b>	<b>SẢN XUẤT - DỊCH VỤ</b>	<b>1.000,00</b>			
1	Cải tạo, sửa chữa các công trình phục vụ hoạt động SXDV	1.000,00			
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI+VII)</b>		<b>48.117,00</b>	<b>21.320,00</b>	<b>69.437,00</b>	

<sup>1</sup> Tổng kinh phí đầu tư 18.000 triệu, dự kiến năm 2024 cần 8.000 triệu, năm 2025 cần 10.000 triệu)

<sup>2</sup> Tổng kinh phí đầu tư 60.000 triệu đồng, dự kiến năm 2024 cần 5.000 triệu đồng, năm 2025 cần 25.000 triệu đồng và năm 2026 cần 30.000 triệu đồng

	<b>Tổng kinh phí dự kiến năm 2024 (kinh phí giao PQTTB tham mưu sử dụng)</b>	<b>69.437,00</b>
1	Cải tạo, sửa chữa công trình	17.317,00
2	Mua sắm, sửa chữa, thay thế máy móc thiết bị	21.320,00
3	Trại TN Vĩnh Châu	1.000,00
4	Khu Măng Đen	300,00
5	Xây dựng cơ bản	28.500,00
6	Sản xuất - Dịch vụ	1.000,00

**Phụ lục 3**

**KẾ HOẠCH XÂY DỰNG, CẢI TẠO, SỬA CHỮA VÀ MUA SẮM NĂM 2024  
(Kinh phí các đơn vị trực thuộc Trường - PQTTB hỗ trợ thực hiện)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Hạng mục mua sắm, cải tạo, sửa chữa	KP Cải tạo, sửa chữa CSVC	KP Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tổng dự toán kinh phí	Ghi chú
1	<b>Trường THPT Thực hành Sư phạm</b>	<b>600,00</b>	<b>0,00</b>	<b>600,00</b>	
1,1	Nhà tiền chế làm không gian sinh hoạt, học thuật (300m2)	600,00			KPTHSP
2	<b>Trung tâm Công nghệ phần mềm</b>	<b>0,00</b>	<b>1.934,00</b>	<b>1.934,00</b>	
2,1	Thiết bị tin học và ngoại vi		1.934,00		KPTT
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>600,00</b>	<b>1.934,00</b>	<b>2.534,00</b>	